



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)

Mã chứng khoán: DTA

2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

TP. HCM, ngày 06 tháng 4 năm 2022

THƯ MỜI

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

MẪU

Kính gửi: Ông/Bà Nguyễn Văn A

Mã số cổ đông:	
Số lượng cổ phần sở hữu:	cổ phần

Công ty Cổ phần Đệ Tam trân trọng kính mời Quý cổ đông về dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 như sau:

- ✦ **Thời gian:** vào lúc **13 giờ 30. phút, thứ 4 ngày 27 tháng 4 năm 2022.**
- ✦ **Địa điểm:** **Lầu 1 – Hội trường A – Trung tâm hội nghị số 108 Nguyễn Du – Phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM**
- ✦ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu DTA theo danh sách chốt quyền do VSD cung cấp ngày **01/4/2022.**
- ✦ **Nội dung đại hội:** Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ✦ **Tài liệu:** Được gửi cho Quý cổ đông tại Đại hội. Quý cổ đông có thể tham khảo các tài liệu hội nghị tại website của Công ty theo địa chỉ: <http://www.detamland.com/cong-bo-thong-tin.html>

Trân trọng kính mời Quý vị cổ đông bố trí thời gian về dự họp để Đại hội đạt kết quả tốt nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC LỢI

Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội bằng văn bản này như sau:

- ☐ Tôi trực tiếp tham dự.
- ☐ Tôi ủy quyền tham dự cho Ông/Bà:
CMND/HC/ĐKKD số: Ngày cấp: ... /... /..... Nơi cấp:
- ☐ Tôi ủy quyền cho ông **TRẦN ĐỨC LỢI** - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đệ Tam.

Được thay mặt tôi tham dự, quyết định, biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội và tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Quý Cổ đông vui lòng đọc hướng dẫn chi tiết tại trang sau của tài liệu này để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của công ty.



HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Để công tác tổ chức Đại hội được diễn ra chu đáo và thuận tiện, đề nghị Quý Cổ đông lưu ý các nội dung sau:

1. Cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo: Bản chính Thông báo mời họp và Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Giấy phép lái xe hoặc Giấy xác nhận nhân thân theo quy định của pháp luật, để đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định. Mọi trường hợp thiếu các giấy tờ nêu trên đều không được tham dự họp ĐHĐCĐ năm tài khóa 2021 của DTA.
2. Trường hợp Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo mẫu nêu trên. Trường hợp ủy quyền, thì người được ủy quyền phải mang theo các giấy tờ theo quy định tại mục 1 nêu trên để đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.
3. Mọi thắc mắc liên quan đến việc tổ chức Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông liên hệ với Ban tổ chức theo địa chỉ trực tiếp tại Văn phòng HĐQT DTA tại 2/6-2/8 Núi Thành, Phường 13, Q. Tân Bình, Tp. HCM; hoặc qua điện thoại số (028) 39 974 668 hoặc Fax (028) 39 974 679 để được hướng dẫn cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)

2/6-2/8 Núi Thành, Phường 13, Q.Tân Bình, Tp. HCM

Điện thoại: 028.3997.4668 – Fax: 028.3997.4679 – Website: www.detamland.com



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

Thời gian: 13 giờ 30 ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Địa điểm: Lầu 1 Hội trường A, TT Hội nghị 108 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

STT	Công việc	Thời gian
I	Thủ tục khai mạc	
1	Cổ đông nhận tài liệu, phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu ý kiến cổ đông	13h30 – 14h30
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự	14h30 – 14h35
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội	14h35 – 14h40
4	Giới thiệu: Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký.	14h40 – 14h45
5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu	14h45 – 14h50
6	Hướng dẫn về thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên tài khóa 2021 của DTA	14h50 – 14h55
7	Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 của DTA	14h55 – 15h00
II	Nội dung đại hội	
1	Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	15h00 – 15h05
2	Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT năm 2021	15h05 – 15h07
3	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc năm 2021	15h07 – 15h12
4	Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	15h12 – 15h15
5	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022	15h15 – 15h17
6	Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	15h17 – 15h20
7	Tờ trình thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022	15h20 – 15h22
8	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	15h22 – 15h25
9	Tờ trình thông qua vay vốn để tiếp tục thực hiện dự án thi công hạ tầng, chung cư, nhà phố tại dự án Khu dân cư xã Phước An	15h25 – 15h28
10	Tờ trình thông qua chỉnh sửa Điều lệ Công ty	15h28 – 15h30
11	Tờ trình thông qua chỉnh sửa Quy chế nội bộ quản trị Công ty	15h30 – 15h32

12	Tờ trình thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	15h32 – 15h35
13	Tờ trình thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	15h35 – 15h38
14	Tờ trình thông qua việc uỷ quyền thực hiện theo hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán	15h38 – 15h40
15	Đại hội thảo luận các báo cáo và tờ trình	15h40 – 15h50
16	Tiến hành biểu quyết các báo cáo và tờ trình	15h50 – 16h00
17	Ban kiểm phiếu làm việc	16h00 – 16h15
18	Nghỉ giải lao	16h00 – 16h15
19	Công bố kết quả kiểm phiếu thông qua các báo cáo, tờ trình	16h15 – 16h20
20	Chủ tọa đọc kết quả các Nghị quyết đại hội	16h20 – 16h25
III	Thông qua Biên bản Đại hội	16h25 – 16h40
IV	Phát biểu tổng kết Đại hội	16h40 – 16h50

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN ĐỨC LỢI



Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

HƯỚNG DẪN VỀ THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021 CỦA DTA.

Điều 1. Mục đích.

- Thể chế hóa công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng Quản trị Công ty nhằm đảm bảo tính tập trung và ổn định.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
- Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tọa trong việc điều khiển Đại hội.
- Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của đại biểu tham dự Đại hội.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt.

- Công ty : Công ty Cổ phần Đệ Tam
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu cổ phần của DTA có tên trong Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) lập tại ngày đăng ký cuối cùng. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thông báo mời họp (Bản chính);
 - Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (Bản chính để đối chiếu);
 - Giấy ủy quyền được gửi kèm Thông báo mời họp (bản chính) trong trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội, hoặc Giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- Đăng ký tham dự Đại hội:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu kiểm tra nhân thân của người tham dự, đồng thời giao cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu các giấy tờ sau:

 - Bản chính Thông báo mời họp;
 - Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu thuộc trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Đồng thời phải ký sổ cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội và nhận các tài liệu sau từ Ban tổ chức:



- Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm tài khóa 2021;
- 01 Thẻ biểu quyết: Bao gồm nội dung Họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
- Phiếu biểu quyết: Bao gồm các nội dung Họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền), các nội dung cần được thông qua);
- 01 phiếu ý kiến cổ đông.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự Đại hội.

1. Quyền của cổ đông.

- a) Cổ đông tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề nằm trong Chương trình Nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thì cổ đông sẽ không có quyền tham gia biểu quyết những nội dung đang được kiểm phiếu.
- c) Chấp hành Hướng dẫn về thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ và sự điều khiển cuộc họp của Chủ tọa đại hội.
- d) Cổ đông có trách nhiệm tham dự ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời trước khi cuộc họp Đại hội kết thúc phải liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức và/hoặc không nộp lại phiếu biểu quyết đã được ghi nhận nội dung biểu quyết thì phiếu biểu quyết và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông đó được coi là không hợp lệ và trừ ra khi tính kết quả kiểm phiếu.

2. Nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội.

- a) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- b) Tuân thủ các quy định tại Hướng dẫn này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Chủ tọa đại hội.

- a) Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa điều khiển cuộc họp.
- b) Chủ tọa có quyền và trách nhiệm:
 - Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các hướng dẫn đã được Đại hội thông qua, phù hợp với Điều lệ và các quy định của pháp luật;
 - Trình dự thảo, hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
 - Chủ tọa có quyền thực hiện các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được

mong muốn của đa số người tham dự Đại hội;

- Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người tham dự Đại hội chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác; yêu cầu và quyết định các biện pháp nhằm duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- Trả lời những câu hỏi liên quan đến nội dung chương trình Đại hội đã được ĐHĐCĐ thông qua, hoặc chỉ định người trả lời;
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - + Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - + Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội.

- a) Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội do Hội đồng quản trị chỉ định.
- b) Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội; Phát tài liệu đại hội và Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.
- c) Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách đại biểu có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối phát Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết và tài liệu của Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội.

Ban thư ký Đại hội gồm 02 (hai) người do Chủ tọa chỉ định. Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa đại hội và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung Đại hội và những vấn đề đã được cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- b) Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- c) Tiếp nhận phiếu ý kiến của cổ đông để gửi Chủ tọa xem xét các vấn đề trả lời.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu.

- a) Ban kiểm phiếu gồm 03 (ba) người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

1. Hướng dẫn tóm tắt quy định về biểu quyết.
2. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông.
3. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết.
4. Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả trước ĐHĐCĐ.
5. Bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.
6. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông nếu để xảy ra sai phạm.
7. Ban kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội (Căn cứ Điều 19, Điều lệ Công ty).

- a) Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội.
- b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội.

- a) Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- b) Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Trật tự của Đại hội.

- a) Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề, lịch sự; Không hút thuốc lá trong hội trường nơi tổ chức Đại hội; Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông. Cổ đông cố tình vi phạm sẽ bị mời ra khỏi Đại hội.
- b) Tại Đại hội, các cổ đông có ý kiến phải đăng ký và nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban thư ký Đại hội. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu đã đăng ký trước sẽ được ưu tiên phát biểu trước. Ban thư ký sẽ trao micro cho cổ đông đăng ký đứng tại chỗ phát biểu. Các cổ đông đăng ký hoặc không đăng ký phát biểu ngồi tại vị trí của mình, không đi lại trong hội trường làm gián đoạn và ảnh hưởng đến chương trình và thời lượng của đại hội. Cổ đông cố tình vi phạm sẽ bị mời ra khỏi đại hội. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

Người có ý kiến tham luận phải phát biểu ngắn gọn, tập trung vào nội dung trọng tâm cần thảo luận và phải phù hợp với chương trình nghị sự đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc ngừng quyền phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

- c) Dựa trên ý kiến của cổ đông, Chủ tọa sẽ trực tiếp hoặc chỉ định một người để giải đáp vấn đề mà cổ đông đưa ra.

Điều 12. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Cách thức biểu quyết.

- a) Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả đại biểu tham dự Đại hội bằng **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Nếu có nội dung nào cần lấy ý kiến tại chỗ (những nội dung không nằm trong chương trình Đại hội) thì sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng **Thẻ biểu quyết**.
- b) Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

Cách thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Trường hợp “Tán thành”: Cổ đông đánh dấu chọn (có thể là dấu $\times$ hoặc dấu $\checkmark$) vào ô trống phía bên cột có in sẵn chữ “Tán thành” trên phiếu biểu quyết (ô bên phải). Trường hợp “Không tán thành”: Cổ đông đánh dấu chọn vào phía bên cột có in sẵn chữ “Không tán thành” trên phiếu biểu quyết. Trường hợp “Không ý kiến”: Cổ đông đánh dấu chọn vào phía bên cột có in sẵn chữ “Không ý kiến” trên phiếu biểu quyết.

- c) Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được thông báo kết quả tại Đại hội.

2. Tổ chức kiểm phiếu.

- a) Việc kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu thực hiện bằng cách trực tiếp đếm số cổ phần trên Thẻ biểu quyết (nếu có nội dung nào cần lấy ý kiến tại chỗ bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết) và kiểm Phiếu biểu quyết (đối với các nội dung nằm trong chương trình Đại hội). Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra ý kiến tán thành trước, sau đó kiểm tra ý kiến không tán thành và sau cùng kiểm tra các cổ đông không ý kiến và báo cáo Đại hội.
- b) Các Phiếu biểu quyết đã phát ra nhưng không được nộp lại thì được coi là các Phiếu biểu quyết không hợp lệ và bị trừ ra khỏi tổng số phiếu khi tính kết quả biểu quyết cho các nội dung biểu quyết liên quan.

3. Phiếu không hợp lệ là phiếu không hội đủ các điều kiện của Phiếu hợp lệ.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.

- a) Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra có đóng dấu treo của DTA, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- b) Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- c) Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ;
 - Phiếu trắng cũng được xem là phiếu không hợp lệ đối với từng nội dung đó.

5. Thẻ lệ biểu quyết.

- a) Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
- b) Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 01/4/2022) tổng số cổ phần của Công ty là: 18.059.832 cổ phần tương đương với 18.059.832 quyền biểu quyết.
- c) Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Căn cứ Điều 21 Điều lệ CT).

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu (cổ phần) có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Sửa đổi Điều lệ công ty;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - f) Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu (cổ phần) có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và được đọc cho mọi người nghe và

thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG





Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI KHÓA 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đệ Tam (“DTA”), tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn diễn ra khắp nơi, ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng hàng hóa và nền kinh tế thế giới. Cho đến nay, khi tình hình dịch bệnh ở Việt Nam có xu hướng được kiểm soát, nhưng suy thoái kinh tế dẫn đến mất việc làm và giảm thu nhập trở thành vấn đề đáng lo ngại nhất và còn kéo dài. Các hệ lụy của đại dịch Covid-19 đều có thể nhìn thấy rõ ở các ngành như hàng không, du lịch, bất động sản.....

Trong thời điểm đình dịch, DTA phải thực hiện các biện pháp giãn cách theo chỉ đạo của Chính phủ như phải tạm dừng thi công, không thể đi công tác tại các tỉnh có các dự án chủ chốt của DTA... đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và kế hoạch đầu tư kinh doanh của DTA. DTA đã vượt qua giai đoạn khủng hoảng này theo tiêu chí đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng... phù hợp với các thời điểm bùng phát dịch bệnh. Ban Lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình, linh hoạt ứng biến, khắc phục khó khăn, giữ vững hoạt động, các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản hoàn thành.

Để các cổ đông hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động của DTA trong năm 2021, Hội đồng Quản trị xin được báo cáo kết quả hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DTA NĂM 2021.

1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Trong năm tài chính 2021, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 05 phiên họp, ban hành 06 Nghị quyết. Kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Các quyết định quan trọng đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/3/2021/NQ-HĐQT	15/3/2021	Chuẩn bị một số công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên DTA năm tài khóa 2020	100%
2	02/3/2021/NQ-HĐQT	30/3/2021	Thông qua việc vay vốn Ngân hàng	100%

3	01/4/2021/NQ-HĐQT	05/4/2021	Thông qua các vấn đề liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài khóa 2020	100%
4	01/6/2021/NQ-HĐQT	18/6/2021	Thông qua việc chấp thuận đầu tư để bổ sung vốn đầu tư Dự án Khu dân cư xã Phước An	80%
5	01/10/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua việc vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng để bổ sung nguồn vốn lưu động	100%
6	02/10/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua việc vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng để triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật Dự án Khu dân cư xã Phước An	100%

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của Cán bộ quản lý. Các thành viên Hội đồng Quản trị đã hoàn thành chức trách của mình vì lợi ích của cổ đông, Công ty và Người lao động.

2. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.1 Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021.

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020.

Đối với việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ là 7% vốn điều lệ: Do lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch đề ra, nên Hội đồng quản trị trình Đại hội thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng 5% vốn điều lệ.

2.2 Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2021.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán theo đúng tiêu chuẩn của pháp luật liên quan để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Theo đó, Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC).

2.3 Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020 đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 theo nội dung đã được Đại hội thông qua.

3. Hoạt động của Ban đối ngoại thuộc Hội đồng Quản trị.

Năm 2021, thực hiện trách nhiệm của mình, Ban đối ngoại cổ vấn đã hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị trong việc đánh giá, điều chỉnh hướng đi của DTA phù hợp với những biến động của nền kinh tế nói chung và hoạt động của DTA nói riêng.

4. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị không có sự thay đổi nhân sự.

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập thực hiện tư vấn, cố vấn cho Ban điều hành nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành của bộ máy.

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã đề ra của Công ty. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị được Ban Tổng Giám đốc triển khai thận trọng, chắc chắn.

Hội đồng Quản trị Công ty đã luôn song hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Từ đó đã duy trì hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có những bước phát triển chắc chắn trên thị trường bất động sản Việt Nam.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022.

Trong năm 2022, sự hồi phục của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ còn nhiều khó khăn trong bối cảnh Covid-19 vẫn chưa thể kiểm soát, vật giá leo thang do ảnh hưởng của chiến tranh, tỷ lệ lạm phát cao

Hội đồng Quản trị sẽ theo sát những thay đổi trong chính sách của Chính phủ cũng như các biến động của nền kinh tế để linh hoạt thích nghi với hoàn cảnh mới, nhằm ứng phó kịp thời, giữ vững và đảm bảo cho sự phát triển dài hạn của DTA. Hội đồng Quản trị tin tưởng với sự đoàn kết của toàn thể Ban lãnh đạo và nỗ lực của đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty, DTA sẽ cố gắng để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tập trung triển khai các dự án, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, bán hàng theo tiến độ đề ra. Đồng thời, Hội đồng Quản trị vẫn sẽ tiếp tục tập trung tìm kiếm, phát triển quỹ đất, các dự án, các cơ hội đầu tư cho Công ty, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược của Công ty trong các năm tiếp theo.

Để vượt qua thách thức và hoàn thành mục tiêu chung, Hội đồng Quản trị DTA mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên DTA.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, kính chúc Đại hội đồng cổ đông của DTA thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI



Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT NĂM 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2021, HĐQT của DTA đang có tổng cộng 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành, 02 thành viên không điều hành, 01 thành viên độc lập. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định chiến lược, kiểm soát tuân thủ, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo các chuẩn mực về quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

Cùng với các thành viên còn lại, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia vào phản biện, kiểm soát mục tiêu kế hoạch kinh doanh; tham gia xây dựng các quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo lợi ích chung của Công ty. Đồng thời trực tiếp chia sẻ kiến thức với Ban TGD hỗ trợ trong việc phát triển nguồn nhân lực và công tác quản trị Công ty.

1. Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT.

Trong năm tài chính 2021, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 05 phiên họp, ban hành 06 Nghị quyết. Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể và theo đúng các quy định về tổ chức cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cần trọng để kịp thời đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và phù hợp với chiến lược đã được thông qua và báo cáo tại ĐHĐCĐ.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc.

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với TGD, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời.

- HĐQT thường xuyên theo dõi và định hướng tiến trình điều hành của TGD và Ban TGD, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ DTA nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban điều hành.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản lý rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban TGD nhận diện sớm các vấn đề, giúp Công ty duy trì tính bền vững và ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

3. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT.

- Các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2021 tập trung triển khai theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm tài khóa 2020 và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các chuẩn mực về quản trị công ty.

- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty.

- HĐQT đã định hướng nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban TGD vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật.

- HĐQT đã lãnh đạo Công ty thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận của năm 2021, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động. Thông qua phương pháp hoạt động hiệu quả, sáng tạo, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò đồng hành xây dựng các giá trị bền vững cho doanh nghiệp.

- HĐQT đã thể hiện sự chuyên nghiệp trong việc có hoạch định rõ ràng và quản lý rủi ro cao, điều tiết các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn hiệu quả nhằm mang lại giá trị bền vững và phát triển cho DTA trong những năm qua.

Trân trọng.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



TRẦN KIẾN PHÁT



Tp. HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý vị cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đệ Tam (“DTA”) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2021 và xây dựng định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau.

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.

1. Kết quả kinh doanh năm 2021.

- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung triển khai các bước chuẩn bị đầu tư để hoàn thiện các thủ tục về đầu tư theo quy định đối với dự án đầu tư mới và tháo gỡ khó khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư đối với dự án có điều chỉnh bổ sung.
- Các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2021:

Chỉ tiêu	KH Năm 2021	TH Năm 2021	TH 2021/ KH 2021
Tổng Doanh thu	134.500.000.000	116.158.930.502	86.36%
Doanh thu thuần	134.500.000.000	108.838.675.058	80.92%
Lợi nhuận sau thuế	13.988.000.000	9.968.271.666	71.26%

2. Tình hình triển khai một số dự án nổi bật của Công ty.

- **Dự án Khu đô thị DTA:** Quy mô 47,3 ha do DTA làm chủ đầu tư đã được Nhà nước giao đất theo quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 10/02/2010, với diện tích được giao 36,9 ha. Trong đó đối với phần diện tích đất đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu C và tiểu khu B8, DTA đã chuyển nhượng, cấp sổ cho khách hàng và hiện là khu đô thị duy nhất có dân sinh sống. Đồng thời hiện nay các tiện ích của Dự án như công viên, nhà trẻ, hồ bơi, siêu thị, sân bóng mini, ... DTA cũng đã hoàn tất và đưa vào hoạt động để tạo môi trường sống tiện nghi cho cư dân.

Đối với các tiểu khu còn lại của khu B và khu A, DTA cũng đang làm việc với Khách hàng để triển khai xây dựng nhà ở trong năm 2022 -2023, bàn giao cho cư dân trong năm 2023 - 2024. Qua đó tiếp tục nối tiếp phát triển các khu dân cư tạo nên quần thể cộng đồng văn minh, hiện đại gia tăng giá trị cho các khách hàng và Chủ đầu tư.

Đối với phần diện tích còn phải đền bù, DTA đang làm việc với Ban bồi thường huyện Nhơn Trạch, UBND huyện Nhơn Trạch và các Sở ngành liên quan của Tỉnh để thẩm định lại giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế. Hiện các Sở ban ngành đang trình UBND tỉnh xem xét do gặp khó khăn trong việc lập thủ tục thẩm định giá đất do dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp từ Luật Đất đai 2003 sang Luật Đất đai 2013.

Dự án Khu chung cư DETACO (CC02): Theo Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 256/QĐ-UBND ngày 24/01/2014, Khu chung cư CC02 gồm 16 Block chung cư cao 5 tầng, với tổng mức đầu tư khoảng 475 tỷ, đã hoàn thành đầu tư xây dựng và bàn giao nhà ở 04 Block chung cư A6, A7, A8, A9.

DTA đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận điều chỉnh quy hoạch cục bộ theo Quyết định số 4180/QĐ-UBND ngày 09/11/2020. Theo đó Khu CC02 được điều chỉnh thương mại hỗn hợp bao gồm chung cư, nhà phố và bố trí khu vực giáo dục, cây xanh, giao thông.... Chi phí đầu tư cần bổ sung thêm để triển khai xây dựng cho phần điều chỉnh hạ tầng cục bộ là khoảng 180 tỷ đồng. DTA đang làm việc với các cơ quan ban ngành tỉnh Đồng Nai để tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch cục bộ nêu trên.

- **Dự án Khu biệt thự DTA Phú Quốc:** Với quy mô 88.738 m², tại xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã được Ban QLĐTPT Phú Quốc phê duyệt 1/500, UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt chấp thuận đầu tư dự án Khu biệt thự DETACO Phú Quốc. DTA đã hoàn thiện các thiết kế thi công của dự án và đang phối hợp với các Cơ quan ban ngành có thẩm quyền để hoàn tất hồ sơ pháp lý cho công tác bồi thường.
- **Dự án VSIP Bắc Ninh:** DTA đã được UBND tỉnh Bắc Ninh giao phần diện tích đất nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh là 20.580 m² để triển khai thực hiện dự án. Hiện nay DTA đang hoàn tất xây dựng và bàn giao nhà theo tiến độ cho Khách hàng.

3. Tình hình tài chính của Công ty.

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm tài khóa 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) và thẩm tra của Ban Kiểm soát, kết quả hoạt động tài chính của DTA năm 2021 thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính như sau:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.86	0.90	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.85	0.61	Lần
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.71	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.91	2.45	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0.11	0.22	vòng
+ Vòng quay tài sản	0.09	0.18	vòng
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-8.84%	9.16%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	-2.05%	5.28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	-0.76%	1.66%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-10.6%	7.2%	

4. Các hoạt động khác.

- Chăm lo đời sống CBCNV: Trong năm 2021, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch, nhưng DTA vẫn thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật Lao động, Thỏa ước lao động và các Quy chế làm việc của DTA.
- Công tác xã hội: Với truyền thống hướng tới cộng đồng, những chính sách đóng góp ủng hộ những người nghèo, tàn tật, neo đơn, ủng hộ khi dịch bệnh.... Đồng thời trong hoạt động kinh doanh, DTA luôn chấp hành chính sách pháp luật liên quan, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách BHXH, BHYT đối với CBCNV trong DTA.
- Công tác nhân sự và lao động: Tiếp tục sắp xếp, củng cố các phòng ban trong toàn Công ty đảm bảo hoạt động hiệu quả, nâng cao năng suất lao động và tinh thần cống hiến vì tập thể, vì Công ty của cán bộ công nhân viên và người lao động trong toàn Công ty.
- Phát hiện, tìm kiếm người có tài, đức vào các vị trí quản lý, lãnh đạo; nâng cao năng lực cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022.

Năm 2022 được dự báo là năm rất nhiều khó khăn cho hoạt động SXKD trên bình diện quốc tế và trong nước khi có quá nhiều biến động liên quan đến chính trị, kinh tế và đại dịch Covid-19 vẫn còn nhiều diễn biến khó lường. Việt Nam đang tập trung mọi nguồn lực để khống chế và bước vào thời kỳ bình thường mới, chấp nhận hi sinh một phần về phát triển kinh tế trong ngắn hạn để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân. Các doanh nghiệp của hầu hết mọi ngành nghề SXKD đều bị ảnh hưởng nặng nề.

Do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh bất động sản, DTA cũng bị ảnh hưởng nặng khi dịch bệnh hoành hành, vì vậy nhận định rõ các khó khăn, thách thức trong năm 2022, cũng như những thuận lợi nội tại của Công ty với mục tiêu chiến lược là ổn định, phát triển bền vững, Ban Tổng Giám đốc Công ty chủ động xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
Tổng Doanh thu (bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác...)	160.500.000.000	
Tổng chi phí	142.600.000.000	
Tổng lợi nhuận trước thuế	17.900.000.000	
Tổng lợi nhuận sau thuế	14.320.000.000	

1. Về hoạt động đầu tư kinh doanh

- Tiếp tục hoàn thiện thi công cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà ở, chung cư, là căn cứ và cơ sở để hoàn thiện pháp lý của dự án Khu đô thị DTA Nhơn Trạch theo quy định.
- Hoàn tất triển khai xây dựng, bàn giao nhà, hoàn thiện thi công hạ tầng.... dự án DTA Garden House tại VSIP Bắc Ninh.
- Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục tìm kiếm, phát triển quỹ đất, các dự án, các cơ hội đầu tư cho Công ty, thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

2. Về quản trị nguồn lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Năm 2022, Công ty tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu về hiệu quả trong công việc, bộ máy công ty tinh gọn, đa năng và linh hoạt; phát huy vai trò của cán bộ lãnh đạo, tận dụng tối đa nguồn lãnh đạo từ cán bộ xuất sắc tại cơ sở và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ nhân viên.

Ban lãnh đạo Công ty đã xác định yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu để thực hiện mục tiêu xuyên suốt là phát triển bền vững của Công ty. Do vậy quan tâm đến điều kiện làm việc và tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể người lao động đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty bên cạnh thương hiệu về DTA đã được khẳng định.

Đảm bảo mọi người lao động của Công ty đều được ký Hợp đồng lao động. Người lao động và người thân được hưởng mọi quyền lợi và chế độ theo quy định của pháp luật hiện hành, thỏa ước lao động, quy chế...để người lao động gắn bó lâu dài, toàn tâm toàn ý cống hiến cho Công ty vì mục tiêu tăng trưởng bền vững của Công ty.

3. Ngoài ra nhằm tăng cường công tác quản lý, Ban Tổng Giám đốc sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế hoạt động của Công ty theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng bộ phận, phòng ban để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.

4. Công tác tài chính.

- Năm 2022, Công ty cần giám sát chặt chẽ, đảm bảo kế hoạch đầu tư xây dựng đúng tiến độ, sớm hoàn thành, quyết toán nhanh và ghi nhận doanh thu trong năm 2022.
- Cân đối nguồn tài chính, chủ động làm việc với các ngân hàng, các đối tác chiến lược, nguồn thu từ khách hàng... đảm bảo nhu cầu vốn đối ứng để đáp ứng yêu cầu vốn triển khai các dự án được liên tục, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng.
- Lập báo cáo tài chính đúng thời gian quy định, đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin kết quả SXKD cũng như tình hình tài chính cho Hội đồng Quản trị.

Kính thưa Quý vị cổ đông.

Trên đây là bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đệ Tam kính trình Đại hội.

Ban điều hành rất mong nhận được ý kiến đóng góp tích cực, chân thành của toàn thể Quý vị cổ đông để Công ty ngày càng phát triển. Ban điều hành xin hứa với quý vị sẽ đoàn kết một lòng, chung tay góp sức trong công tác quản lý, kinh doanh để các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2022 được hoàn thành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, các đối tác và các Cơ quan ban ngành, cảm ơn toàn thể người lao động trong toàn Công ty đã nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi để có được kết quả như ngày hôm nay. Kính chúc Quý vị dồi dào sức khỏe và tràn đầy hạnh phúc.

Trân trọng.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ KIM XUÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 04/4/2022/BC - BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI KHÓA 2021

Kính gửi Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Đệ Tam (DTA).

Ban Kiểm soát xin báo cáo tới Quý cổ đông DTA về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021 như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021.

I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT.

- Ban Kiểm soát bao gồm bốn (04) thành viên đại diện của các cổ đông và nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ theo quy định của pháp luật:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số lượng các cuộc họp tham dự	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Hữu Nghĩa	Trưởng ban	2/2	100%
2	Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên	2/2	100%
3	Trần Văn Hùng	Thành viên	2/2	100%
4	Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên	2/2	100%

- Trong năm 2021 BKS đã tổ chức 02 cuộc họp và có đủ thành viên tham dự với nội dung chủ yếu là phân tích, đánh giá tình hình SXKD, báo cáo tài chính và các vấn đề khác mà HĐQT và Ban TGDĐ đã đề ra. BKS nhận thấy mọi vấn đề trong công tác điều hành và quản trị công ty đều công khai minh bạch, hiệu quả, phù hợp với quy định của Nhà nước và luôn bám sát các Nghị quyết của ĐHCĐ. Mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội trong nhiều tháng, đặc biệt là TP.HCM và các tỉnh miền Tây Nam Bộ, nhưng khi tình hình dịch bệnh bắt đầu được kiểm soát thì Công ty đã bắt tay ngay vào các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm bù đắp cho khoảng thời gian phải tạm ngưng thi công do ảnh hưởng của dịch bệnh.
- Ngoài các cuộc họp chính thức, thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên thực hiện việc trao đổi và tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan nhằm hoàn thành các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn theo Điều lệ DTA, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, bao gồm việc đánh giá tuân thủ, tính hiệu lực và



hiệu quả của các quy định, quy trình có liên quan và việc tuân thủ Điều lệ DTA, chỉ tiêu như sau:

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Từ tháng 01 đến tháng 12/2021, Hội đồng Quản trị DTA gồm năm (05) thành viên, đã triển khai 05 phiên họp với sự hiện diện của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị và ban hành 06 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia đầy đủ đúng theo quy định của Điều lệ Công ty để xem xét hiệu quả kinh doanh và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt. Hội đồng Quản trị cũng đã đánh giá việc huy động vốn, rà soát và phê duyệt các khoản đầu tư, các hợp đồng hợp tác kinh doanh, các hoạt động chuyển nhượng dự án và tiếp nhận dự án, các hoạt động mua bán và các giao dịch với các bên liên quan. Việc thực hiện các chiến lược của Công ty được phân công cho Ban Tổng Giám đốc và kết quả thực hiện của Ban Tổng Giám đốc cũng được Hội đồng Quản trị đánh giá định kỳ. Đại diện Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nắm bắt tình hình thực tế hoạt động kinh doanh.

Các thành viên Hội đồng Quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đưa ra các quyết định mang tính định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020.

- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh.

2. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

- Năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò quản lý, điều hành của mình, thực hiện nghiêm túc, triệt để các nhiệm vụ mà Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Ban Tổng Giám đốc đã cùng tập thể cán bộ nhân viên nỗ lực hết mình trong năm tài chính 2021, và mặc dù kết quả chưa được như mong đợi nhưng với nền tảng đã được hoạch định và định hướng cho những năm kế tiếp, Ban kiểm soát tin tưởng Ban Tổng Giám đốc sẽ thực hiện được các mục tiêu đề ra.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu	KH Năm 2021	TH Năm 2021	TH 2021/ KH 2021
Tổng Doanh thu	134.500.000.000	116.158.930.502	86.36%
Doanh thu thuần	134.500.000.000	108.838.675.058	80.92%
Lợi nhuận sau thuế	13.988.000.000	9.968.271.666	71.26%

- Năm 2021, mặc dù nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động của cạnh tranh ngày càng khốc liệt, cộng thêm với tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng rất lớn trên thế giới và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Trong bối cảnh kinh doanh như trên, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời nắm bắt tình hình, lắng nghe ý kiến khách hàng, thường xuyên cập nhật thông tin trên thị trường, cũng như tình hình dịch bệnh và đưa ra những thay đổi và chính sách mới nhằm giảm thiểu thua lỗ rủi ro.

III. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Tình hình tuân thủ pháp luật và chấp hành điều lệ của Công ty.

Trong năm 2021, mọi hoạt động của DTA đều tuân thủ đúng theo các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ của DTA. Đồng thời DTA cũng kinh doanh những ngành nghề nằm trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tích cực đẩy mạnh hoạt động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo sát việc ban hành và triển khai cũng như đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và các Quy chế được ban hành, Ban Kiểm soát cũng đã tham gia giám sát công tác kiểm toán, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản trị của Công ty, góp phần hạn chế rủi ro và hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021.

Ban Kiểm soát đã thẩm định báo cáo tài chính năm tài khóa 2021 của DTA và thống nhất với Bản báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) như sau:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.86	0.90	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.85	0.61	Lần
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.71	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.91	2.45	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0.11	0.22	vòng
+ Vòng quay tài sản	0.09	0.18	vòng
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-8.84%	9.16%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	-2.05%	5.28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	-0.76%	1.66%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-10.6%	7.2%	

- Các Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2021 được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC), được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2021: Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2021, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.
- Công ty cũng đã công bố báo cáo tài chính soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

V. SỰ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

- Hội đồng Quản trị đã phối hợp tốt cùng với Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát hoạt động.
- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Kết luận:

Năm 2021 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong định hướng, điều hành hoạt động của DTA để vượt qua trong tình hình kinh tế gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp từ cuối năm 2020 cho đến thời điểm hiện nay.... Mặc dù kết quả kinh doanh, lợi nhuận không đạt như kế hoạch đã đề ra nhưng Ban kiểm soát đánh giá với định hướng chiến lược và quyết tâm theo đuổi mục tiêu cho phát triển trung và dài hạn của DTA, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã làm việc rất trách nhiệm, nghiêm túc và hết mình.

2. Một số kiến nghị:

Tiếp tục xây dựng, phát triển bền vững đi cùng công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy Công ty sao cho thật tinh gọn, hiệu quả cao, chú trọng công tác quản trị để hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng, hiệu quả SXKD.

Để tăng sức cạnh tranh và nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc một số kiến nghị như sau:

- Thường xuyên rà soát, hoàn chỉnh và hiệu chỉnh kịp thời hệ thống quy trình, quy chế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình kinh doanh thực tế.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển của công ty.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty. Đồng thời tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022.

Bước vào năm 2022 với những diễn biến về chính trị và thương mại trên thế giới xảy ra rất nhanh và khó đoán định, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp...Đứng trước các khó khăn phức tạp đó chúng ta cần xây dựng kế hoạch SXKD trong năm 2022 linh hoạt, bám sát các biến động để điều chỉnh kịp thời cho phù hợp đảm bảo an toàn vốn.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục rà soát, theo dõi tình hình xây dựng và hoàn thiện các quy trình, chính sách nội bộ của các bộ phận, phòng ban công ty. Bên cạnh đó, thông qua kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán tình hình triển khai các quy trình trong thực tế, nhằm đảm bảo tuân thủ, hiệu lực và hiệu quả.

Thay mặt Ban Kiểm soát Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, các đối tác, cảm ơn toàn thể người lao động trong toàn công ty đã nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi để

có được kết quả như ngày hôm nay. Kính chúc quý vị dồi dào sức khỏe và tràn đầy hạnh phúc.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN HỮU NGHĨA



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 05/4/2022/TTr-ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm tài chính 2022.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của DTA;
- Căn cứ Công văn số 246/UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tăng cường sự minh bạch của các Công ty niêm yết ngày 24/02/2009.

Kính thưa Đại hội.

Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính và chủ động trong quá trình lựa chọn đơn vị kiểm toán, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán đủ các tiêu chuẩn điều kiện sau đây để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022 của DTA:

- Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép kiểm toán các tổ chức niêm yết.
- Có uy tín để tăng cường mức độ tín nhiệm và tin tưởng đối với người đọc báo cáo tài chính của DTA.
- Hoàn thành báo cáo kiểm toán trước thời hạn quy định của nhà nước.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021**

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020 đã thông qua Nghị quyết về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021. Căn cứ trên kết quả kinh doanh thực hiện năm 2021, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021 và mức dự kiến doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2021.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Đại hội đã thông qua tờ trình về việc phân phối lợi nhuận cho năm 2021. Theo đó Đại hội đã thống nhất chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông là 7% vốn điều lệ.

Do lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng 5% vốn điều lệ, cụ thể:

STT	NỘI DUNG	TỶ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
I	Tổng vốn chủ sở hữu		193.939.769.944
1	Vốn cổ phần		180.598.320.000
2	Quỹ đầu tư phát triển		593.164.884
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.748.285.060
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>2.780.013.394</i>
	<i>LNST chưa phân kỳ này</i>		<i>9.968.271.666</i>
II	Thực hiện phân phối lợi nhuận		9.578.170.942
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,5% LNST	249.206.792
2	Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	3% LNST	299.048.150
3	Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông	5% VDL	9.029.916.000
III	Lợi nhuận sau thuế lũy kế, trong đó		3.170.114.118
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>2.780.013.394</i>
	<i>LNST còn lại sau phân phối kỳ này</i>		<i>390.100.724</i>



Đồng thời Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài khoá 2021 thông qua phương án phát hành tăng vốn Điều lệ từ nguồn chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu với những nội dung sau:

- Vốn điều lệ trước phát hành : 180.598.320.000 đồng
- Số cổ phần trước phát hành : 18.059.832 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần
- Số cổ phần lưu hành trước khi phát hành : 18.059.832 cổ phần.
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành thêm : 902.992 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá : 9.029.920.000 đồng.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của DTA vào thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn phát hành : Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện dự kiến : Năm 2022-2023.

Để có cơ sở triển khai phương án phát hành đã trình nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua:

- Việc tăng vốn Điều lệ DTA tương ứng với tổng giá trị cổ phần phát hành thực tế theo phương án phát hành đã nêu trên.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề sau và/hoặc giao cho Tổng Giám Đốc triển khai các công việc liên quan theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ DTA, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán để:
 - + Lựa chọn thời điểm thích hợp để xây dựng và triển khai phương án phát hành và tiến hành các thủ tục cần thiết khác để thực hiện thành công việc phát hành.
 - + Ngay sau khi hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thì căn cứ vào số lượng cổ phiếu thực tế phát hành để tiến hành:
 - Thực hiện việc đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tại Cơ quan có thẩm quyền.
 - Thực hiện thủ tục thay đổi vốn Điều lệ, số lượng cổ phần tương ứng... trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch Đầu tư TP.HCM, cũng như các nội dung liên quan khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.
 - Sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty và báo cáo cho Đại hội cổ đông vào phiên họp gần nhất.
 - + Quyết định các công việc khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua mức dự kiến doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau.

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2022 (VNĐ)
Tổng Doanh thu	160.500.000.000
Tổng Chi phí	142.600.000.000
Lợi nhuận trước thuế	17.900.000.000
Lợi nhuận sau thuế	14.320.000.000

Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022.

STT	NỘI DUNG	TỶ LỆ (%)
1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,5% LNST
2	Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất	3% LNST
3	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	7% VDL

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM.
Số: 07/4/2022/TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021**

V/v: Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.

Kính thưa Đại hội.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT trong năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Mức chi/tháng/người	Tổng chi/tháng	Tổng chi/năm
1	Thành viên HĐQT (5 người)	5.000.000 VNĐ	25.000.000 VNĐ	300.000.000 VNĐ
2	Thành viên BKS (4 người)	3.000.000 VNĐ	12.000.000 VNĐ	144.000.000 VNĐ
3	Thư ký HĐQT	3.000.000 VNĐ	3.000.000 VNĐ	36.000.000 VNĐ

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 08/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 202

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Thông qua toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

Kính thưa Đại hội.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Đại hội đã thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị đã thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC) làm đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đệ Tam. Công ty AISC đã phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán (*Đính kèm báo cáo tài chính*).

Công ty AISC đã xác nhận “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty AISC và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Hội đồng Quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2021, bao gồm: Báo cáo của Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng kính trình

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 09/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Thông qua vay vốn để tiếp tục thực hiện dự án thi công hạ tầng, chung cư, nhà phố tại dự án Khu dân cư xã Phước An.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua chủ trương vay vốn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng... để tiếp tục thực hiện dự án thi công hạ tầng, chung cư, nhà phố tại dự án Khu dân cư xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1. Tổng mức đầu tư dự kiến triển khai: 1.612.725.604.182 đồng
 - Số tiền vay vốn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng: không vượt quá 50% tổng mức đầu tư.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các nội dung:
 - Lựa chọn và quyết định lựa chọn các Ngân hàng, tổ chức tín dụng... phù hợp để vay vốn trong quá trình thực hiện đầu tư.
 - Đàm phán, thương thảo mức lãi suất, các điều khoản của các Hợp đồng tín dụng, biện pháp bảo đảm về việc vay vốn và các hợp đồng khác có liên quan được ký kết giữa Công ty, Ngân hàng và các tổ chức tín dụng... đã được lựa chọn và thực hiện các công việc có liên quan khác để đảm bảo việc vay vốn hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật.
 - Trong quá trình triển khai, ủy quyền cho HĐQT quyết định nếu phát sinh các vấn đề cần phải điều chỉnh, bổ sung, thay đổi và các vấn đề khác liên quan đến tiến độ, quá trình triển khai,... pháp lý dự án phù hợp với thị trường và quy định của pháp luật. Trường hợp việc điều chỉnh này dẫn đến tăng tổng mức đầu tư so với mức đã được phê duyệt, tỷ lệ phần tăng thêm thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ thì giao cho HĐQT tiếp tục triển khai và báo cáo đại hội kế tiếp.
 - Thời hạn: HĐQT thực hiện các nội dung nêu trên cho đến khi hoàn thành hạng mục đầu tư.
 - Hội đồng quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu HĐQT

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 10/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Sửa đổi điều lệ Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam.

Kính thưa Đại hội.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Hội đồng quản trị đã trình và được Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Đến ngày 04/4/2022, Hội đồng quản trị DTA đã họp và thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thay thế cho bản Điều lệ hiện hành (đính kèm tờ trình này).

Nội dung Điều lệ mới được xây dựng trên cơ sở tham chiếu bản Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của DTA.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 11/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Hội đồng quản trị đã trình và được Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Đến ngày 04/4/2022, Hội đồng quản trị DTA đã họp và thống nhất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi lần thứ 01. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đính kèm tờ trình này).

Nội dung bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới được xây dựng trên cơ sở tham chiếu bản mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của DTA.

Trân trọng kính trình,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 12/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Hội đồng quản trị đã trình và được Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Đến ngày 04/4/2022, Hội đồng quản trị DTA đã họp và thống nhất nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (đính kèm tờ trình này).

Nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng trên cơ sở tham chiếu bản mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của DTA.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 13/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2020, Hội đồng quản trị đã trình và được Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Đến ngày 04/4/2022, Hội đồng quản trị DTA đã họp và thống nhất nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (đính kèm tờ trình này).

Nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng trên cơ sở tham chiếu bản mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của DTA.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC LỢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM.
Số: 14/4/2022/TTr – ĐHĐCĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

V/v: Ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Kính thưa Đại hội.

Trong năm 2019 – 2020, Quốc hội đã ban hành Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó có quy định thêm mô hình mới là Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty và kiểm toán nội bộ, là một trong những nội dung quan trọng về quản trị Công ty. Tuy nhiên cho đến hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết áp dụng đối với các quy định trên vì vậy HĐQT gặp nhiều khó khăn khi triển khai nội dung này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua:

- Giao cho HĐQT làm việc với Cơ quan quản lý đề nghị hướng dẫn thực hiện.
- Giữ nguyên mô hình hiện tại trong thời gian đợi Cơ quan quản lý hướng dẫn và chủ động triển khai ngay sau khi có đủ điều kiện.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu HĐQT

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

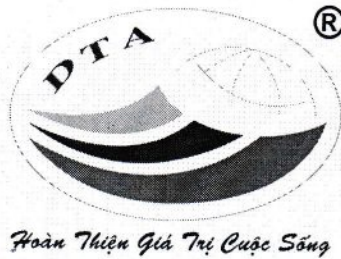
CHỦ TỊCH



TRẦN ĐỨC LỢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----oOo----

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
(Sửa đổi bổ sung lần thứ 14 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
số 10/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi – thừa kế cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	34
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 33. Cán bộ quản lý	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 35. Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty	36
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT- THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 36. Trách nhiệm can trọng	36

Điều 37.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 38.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
X.	TRÁCH NHIỆM BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 39.	Thành viên Ban Kiểm soát	38
Điều 40.	Ban kiểm soát	40
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 41.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 42.	Công nhân viên và công đoàn	42
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 43.	Phân chia lợi nhuận.	42
Điều 44.	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	42
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	43
Điều 45.	Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 46.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	43
Điều 47.	Năm tài chính	43
Điều 48.	Hệ thống kế toán.....	43
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 49.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	43
Điều 50.	Báo cáo thường niên.....	44
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 51.	Kiểm toán	44
XVII.	MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY	45
Điều 52.	Quan hệ của Công ty với DN do mình đầu tư và nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ	45
Điều 53.	Quan hệ của Công ty giữ quyền chi phối với DN có vốn chi phối của Công ty	45
Điều 54.	Quan hệ giữa Công ty với DN có 1 phần vốn góp của Công ty	45
XVIII.	CON DẤU	45
Điều 55.	Con dấu.....	45
XIX.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	46
Điều 56.	Chấm dứt hoạt động	46
Điều 57.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông.....	46
Điều 58.	Gia hạn hoạt động.....	46
Điều 59.	Thanh lý.....	46
XX.	THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	47
Điều 60.	Thông báo.....	47
Điều 61.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XXI.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
Điều 62.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
XXII.	NGÀY HIỆU LỰC.....	49
Điều 63.	Ngày hiệu lực	49
Điều 64.	Chữ ký của các thành viên HĐQT của Công ty	49

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Đệ Tam (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “ Công ty” là Công ty Cổ phần Đệ Tam;
- “ Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- “Luật doanh nghiệp” hay “ Luật Doanh Nghiệp” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- “Luật chứng khoán” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- “Công ty con” là các doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc có quyền kiểm soát chi phối;
- “Công ty thành viên liên kết” là các doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp nhưng không

nắm quyền kiểm soát chi phối và có sự liên kết chặt chẽ với Công ty thông qua chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, định hướng đầu tư, công nghệ, nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu, thị trường, thương hiệu và các vấn đề khác có liên quan trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

- "Quyền kiểm soát chi phối" là quyền của Công ty với Công ty con được xác định khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (Công ty có thể sở hữu trực tiếp công ty con hoặc sở hữu gián tiếp công ty con thông qua một công ty khác) hoặc khi Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc của công ty đó hoặc khi Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
 - "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành tại từng thời điểm;
 - "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
5. Nguyên tắc quản trị và điều hành của Công ty.
- a. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;
 - b. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ;
 - c. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát (BKS) để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;
 - d. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI

HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh : **DE TAM JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : **DETAM J.S.C.**
- Tên giao dịch : **DTA**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: 2/6 – 2/8 Núi Thành, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, cụ thể: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của người đại diện theo pháp luật trong toàn bộ mọi hoạt động của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là tất cả ngành nghề được công bố trên cổng thông tin điện tử quốc gia.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Mục tiêu hoạt động của Công ty là phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các ngành, nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, theo quy định của Điều lệ này và pháp luật nhằm mang lại lợi nhuận của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích

hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vốn điều lệ của Công ty là **180.598.320.000 VNĐ** (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **18.059.832** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng vào mục đích hoạt động kinh doanh của Công ty, không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cho Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng chỉ Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 7 Điều lệ này.

2. Chứng chỉ, chứng nhận cổ phiếu có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người được uỷ quyền theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ, chứng nhận cổ phiếu phải bao gồm các thông tin sau:
 - a. Tên và địa chỉ Công ty;
 - b. Số và ngày cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp;
 - c. Số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ;
 - d. Họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh), gồm các thông tin chủ yếu như sau: Họ, tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh nếu cổ đông là tổ chức.
 - e. Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - f. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được uỷ quyền và dấu của Công ty;
 - g. Các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;
 - h. Mỗi chứng chỉ, cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông cho phù hợp với quy định của Pháp luật. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức chứng chỉ hoặc chứng nhận Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của Người sở hữu nó không bị ảnh hưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được uỷ quyền phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.
5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và thay thế bởi một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
6. Trường hợp chứng chỉ cũ ghi danh bị mất, bị hủy hoại, bị tẩy xóa, bị hư hỏng, hoặc bị mất cắp, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể đề nghị được cấp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc vẫn tiếp tục sở hữu cổ phần tại thời điểm đề nghị cấp mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của Cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Chứng chỉ cổ phiếu đã thật sự bị mất, bị cháy, bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, trường

hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ hoàn trả Công ty để đem đi tiêu hủy;

- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới;
 - c. Cổ đông phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ Cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp chứng chỉ cổ phiếu được sử dụng với mục đích lừa đảo
7. Người sở hữu chứng chỉ vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ. Công ty không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp nếu chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
 8. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các văn bản quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.

1. Sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty có quyền phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại chứng chỉ trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác và thời điểm phát hành.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi – thừa kế cổ phần.

1. Thu hồi cổ phần.
 - a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

- b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
 - c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
 - d. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối, hoặc giải quyết cho người có cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
 - e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
 - f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
2. Thừa kế cổ phần: Trường hợp cổ đông thế nhân qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền thừa kế một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Người đã mất:
- a. Người hoặc những người sở hữu hợp pháp theo luật định được những cơ quan có thẩm quyền xác nhận;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ có thể cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
 - c. Người hoặc những Người thừa kế hợp pháp theo quy định của Pháp luật nếu đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, sau khi được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông sẽ trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
 - d. Trường hợp thừa kế số cổ phần của Người lao động trong Doanh nghiệp được mua ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm về khoản phải trả dần (nếu còn).
 - e. Người có cổ phần mua ưu đãi trả dần qua đời mà không có thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi và hoàn trả cho Công ty.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Điều 12. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét và trích lục biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - g. Xem xét, tra cứu Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a. Các quyền được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.
- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm đã được kiểm toán (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty như: Thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, cách lựa chọn và đầu tư dự án, phương pháp tác nghiệp kinh doanh....).
- c. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp (số đăng ký kinh doanh) đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ cụ thể về vi phạm của Hội đồng quản trị (nếu có), mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, thời gian nắm giữ cổ phiếu và số lượng cổ phiếu nắm giữ liên tục có xác nhận bản chính của Công ty chứng khoán nơi cổ phiếu lưu ký, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- e. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- f. Yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp;
- g. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi có các tài liệu chứng cứ cụ thể về việc vi phạm và mức độ vi phạm. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông

và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; thời gian nắm giữ cổ phiếu và số lượng cổ phiếu nắm giữ liên tục có xác nhận bản chính của Công ty chứng khoán nơi cổ phiếu lưu ký, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ cụ thể về vi phạm, mức độ vi phạm ...

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Các quyền theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b. Đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 39 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Thực hiện việc tham dự hoặc không tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy chế quản trị Công ty và hướng dẫn về tổ chức Đại hội cổ đông.
2. Thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Cập nhật thông tin về nhân thân (bao gồm địa chỉ, số điện thoại ...) trong trường hợp có thay đổi. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo về việc thay đổi địa chỉ, số điện thoại, của cổ đông đó.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản của Công ty.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty
7. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty phải báo cáo với Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày trở thành cổ đông lớn theo quy định của Luật Chứng khoán;
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.
3. Đại hội đồng Cổ đông thực hiện quyền quyết định đối với các nội dung thông qua 02 thể thức:
 - a. Biểu quyết hoặc bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Biểu quyết bằng văn bản thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản;
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm; báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về quản lý Công ty, của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và Ban kiểm soát;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
 - e. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp, được ký bởi các cổ đông liên quan;
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có bằng chứng xác thực các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc bằng chứng xác thực về Hội đồng quản trị đã có các hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại khoản 5b Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 5c và 5d Điều 14.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 5c Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
- d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp đại hội đồng cổ đông này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
 - d. Định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Định hướng kế hoạch phát triển của Công ty;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- g. Chế độ thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ theo kết quả chào bán hoặc do bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán hoặc theo kết quả chuyển đổi hoặc hoán đổi đã được phát hành của Công ty, việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty trong trường hợp này sẽ do HĐQT quyết định;
- i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) và chỉ định người thanh lý;
- l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- m. Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- o. Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 162.1 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.
- q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.
- r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ.

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một cá nhân hoặc một tổ chức đại diện tham dự.
- 2. Người được Cổ đông ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ không được phép ủy quyền lại cho người khác, đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền.
- 3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập có thể theo mẫu do Công ty phát hành, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền (theo mẫu của công ty phát hành, có dấu của công ty) phải có họ tên, chữ ký của cổ đông đó và người được

ủy quyền dự họp; trường hợp thực hiện ủy quyền bằng Hợp đồng ủy quyền hoặc Giấy ủy quyền theo mẫu khác với mẫu của công ty ban hành thì phải có công chứng nhà nước theo quy định.

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân người được ủy quyền dự họp hoặc người đại diện theo pháp luật và có đóng dấu của tổ chức được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản chính văn bản ủy quyền và các giấy tờ cần thiết khác cho bộ phận kiểm tra tư cách đại biểu theo quy định trước khi vào phòng họp.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 (một) người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
7. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại

diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, đại biểu không phải là cổ đông thì có quyền phát biểu, nhưng không có quyền biểu quyết.
 - c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - d. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng

khoản Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước thông tin ứng viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với các vấn đề dự kiến trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 18 thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn, không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
 - c. Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu và vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại Hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có

trong chương trình.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận với tỷ lệ từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông được coi là tiến hành hợp lệ khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18.3 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá ba người.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay

tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn hoặc tạm dừng đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
7. Trường hợp Chủ tọa tạm hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 20, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. Đoàn Chủ tịch cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được lập khi Chủ tọa xét thấy cần thiết và do Chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trở lên chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

+ Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Sửa đổi Điều lệ công ty;

+ Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

+ Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Các vấn đề còn lại thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng

thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập/ số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị là/và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, qua fax hoặc thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị là/và người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm

(15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người chủ trì Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày đăng tải biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu toà án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toà án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT cần đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty). Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng, phải theo các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có tối thiểu là (03) ba thành viên và tối đa là (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm

thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Hội đồng quản trị gồm 01 chủ tịch và các uỷ viên. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (tính theo số thành viên Hội đồng quản trị).
4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên hội đồng quản trị.
6. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.
7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng, phải theo các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
8. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị và sẽ bị

bãi nhiệm, miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất tiếp theo trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
10. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc/và quyết định, thực hiện các công việc khi được ĐHĐCĐ giao.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người đó;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - e. Quyết định đầu tư có giá trị từ 30% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và

các Chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

- f. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - g. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - h. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - j. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - n. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Quyết định các việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi và các vấn đề khác liên quan đến quá trình triển khai, tiến độ, điều chỉnh pháp lý, hoàn tất thủ tục pháp lý các dự án phù hợp với thị trường và quy định của pháp luật. Trường hợp việc điều chỉnh này dẫn đến tăng tổng mức đầu tư so với mức cũ đã được phê duyệt, tỷ lệ phần tăng thêm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thì HĐQT phải báo cáo trước cổ đông trình cổ đông phê duyệt tại Đại hội gần nhất.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sát nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);
 - b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - c. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở những công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó nếu trong trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty chưa

quy định;

- d. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - e. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - f. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 30% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - g. Việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc công ty. Ứng viên được bầu làm Chủ tịch phải đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Những điều kiện như quy định tại Điều 155.1 Luật doanh nghiệp
 - b. Phải là cổ đông sáng lập Công ty hoặc thành viên chuyên trách. Ứng viên phải có thời gian làm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách ít nhất 03 nhiệm kỳ liên tiếp trước kỳ bầu cử Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, là chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt nhưng không ủy quyền cho thành viên khác, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết chỉ định một thành viên khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất hoặc ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp người có số phiếu bầu cao nhất không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị thì phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại xảy ra đối với Công ty từ việc không triệu tập này.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào xét thấy cần

thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Theo đề nghị của chính Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu bầu cho những thành viên không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có thể gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được mời dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư ($\frac{3}{4}$) số thành viên Hội đồng quản trị có

mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có quyền lợi trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
12. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
13. Hợp trên điện thoại hoặc hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ

chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp tất cả các phương thức này. Theo điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp với các điều kiện sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên tham gia biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được các thành viên hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết này có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký thành viên.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổ chức quản lý của Công ty sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc phải là thành viên Hội đồng quản trị. Các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cán bộ quản lý.

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với tiêu chuẩn, cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định và đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp và quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Nếu nhiệm kỳ Tổng giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho đến thời điểm Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc không được phép là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề khác mà không thuộc thẩm quyền và/ hoặc cần phải có quyết định của ĐHĐCĐ và/ hoặc Hội đồng quản trị;

- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt nhất do Hội đồng quản trị đề xuất, tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
 - e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
 - h. Chuẩn bị các bản báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến; bảng cân đối kế toán cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua.
4. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm đều phải thực hiện bằng văn bản.
5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty.

- 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;

- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ mười lăm đến hai mươi phần trăm (15% - 20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán

bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa 04 (bốn) thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp cổ phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm

soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Trường hợp có thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên Ban kiểm soát thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Ban kiểm soát, không bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ rằng người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng

cổ đông.

6. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
7. Trường hợp đã xác định thông tin trước ứng viên, Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Điều 40. Ban kiểm soát.

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào mọi công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ, cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - j. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp

đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông và nhóm cổ đông nêu tại điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty về Danh sách cổ đông gần nhất, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp và trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo bản chính giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn.

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Điều 43. Phân chia lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 44: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.

Điều 45. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

1. Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
2. Việc trích lập các quỹ khác do Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông quyết định bao gồm:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính;
 - c. Quỹ khen thưởng;
 - d. Quỹ phúc lợi;
 - e. Các quỹ khác theo quy định.

Điều 47. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

Điều 48. Hệ thống kế toán.

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo đề mục của hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật, có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công ty
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.

1. Công ty phải lập bản Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Báo cáo tài chính quý không phải kiểm toán.
4. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý phải được công bố trên website của Công ty và theo quy định của Pháp luật áp dụng tùy từng thời điểm.

Điều 50. Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.

Điều 51. Kiểm toán.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ của Công ty với doanh nghiệp do mình đầu tư và nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 53. Quan hệ của Công ty giữ quyền chi phối với doanh nghiệp có vốn chi phối của Công ty.

Công ty giữ quyền chi phối doanh nghiệp khác thực hiện việc quản lý cổ phần, vốn góp chi phối như sau:

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối thông qua đại diện của mình tại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, pháp luật của nước mà Công Ty đưa vốn đến đầu tư và theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp bị chi phối;
2. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại doanh nghiệp chi phối;
3. Yêu cầu người đại diện phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung của doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Công ty;
4. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp bị chi phối trước khi biểu quyết; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty giữ quyền chi phối;
5. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở doanh nghiệp bị chi phối;
6. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào doanh nghiệp bị chi phối.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty và doanh nghiệp có một phần vốn góp của Công ty.

1. Quan hệ giữa Công ty và Doanh nghiệp có một phần vốn góp của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại doanh nghiệp mà mình có vốn góp, phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp có một phần vốn góp của Công ty.

XVIII. CON DẤU.

Điều 55. Con dấu.

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.

Điều 56. Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định;
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn, kể cả thời hạn đã gia hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải xin chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ từ 51% số cổ phiếu đang lưu hành và có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đệ đơn khiếu nại tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết đề yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau đây, sau khi ĐHĐCĐ đã được tiến hành tuy đạt được 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành nhưng không đủ số phiếu cần thiết theo Điều 21 của Điều lệ để thông qua việc giải thể theo phương án của nhóm Cổ đông này

- a. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý công việc Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- b. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 58. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý không được kéo dài quá sáu (6) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành thì Ban thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 61 của Điều lệ này

XX. THÔNG BÁO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 60. Thông báo

1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện tới địa chỉ của các Cổ đông được ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ đông.
2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
 - a. Nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
 - b. Nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp Cổ đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một

chuyên gia độc lập đề hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để có quyết định cuối cùng theo các quy định hiện hành. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài thì sẽ áp dụng Quy Tắc Trọng Tài có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn của cơ quan Trọng Tài đó, theo hướng dẫn như sau:
 - a. Địa điểm : Thành phố Hồ Chí Minh.
 - b. Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt
 - c. Số lượng trọng tài viên : Ba (3) trọng tài viên. Mỗi bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trọng tài viên, và trọng tài viên thứ ba sẽ được chỉ định bởi hai trọng tài viên đã được chỉ định, theo Quy Tắc Trọng Tài đóng vai trò Chủ tịch Hội đồng trọng tài.
 - d. Phán quyết: Phán quyết trọng tài sẽ là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
 - e. Chi phí: Chi phí trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi được quy định khác theo pháp quyết.
 - f. Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu toà án (bao gồm cả toà án nơi bên thua có tài sản) hoặc cơ quan tư pháp thi hành phán quyết trọng tài.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC.

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương 64 điều, là bản Điều lệ hợp pháp và chính thức của Công ty cổ phần Đệ Tam, thay thế các bản trước đây. Điều lệ này được ĐHĐCĐ chấp thuận hiệu lực toàn văn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành và các bản điều lệ sửa đổi, bổ sung.
3. Điều lệ được làm thành một 05 bản gốc bằng tiếng Việt, trong đó 01 bản cung cấp cho UBCKNN, 01 bản cung cấp cho Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, 01 bản cung cấp cho

Trung tâm lưu ký chứng khoán TPHCM và 02 bản được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật thì mới có giá trị.

Điều 64. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

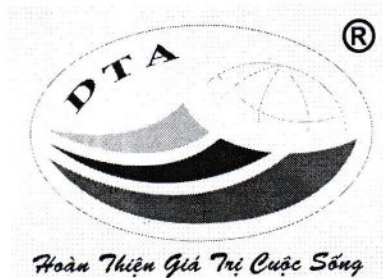
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Kim Xuân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----oOo----

DỰ THẢO



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

**(Sửa đổi bổ sung lần thứ 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
số 11/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022)**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đệ Tam áp dụng khi Công ty cổ phần Đệ Tam niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:

a) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

b) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn

c) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

d) Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

e) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đệ Tam.

2. Quy chế này quy định chi tiết về hoạt động quản trị công ty đối với Công ty cổ phần Đệ Tam, bao gồm hoạt động của:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ban điều hành, thành viên Ban điều hành;
- Ban kiểm soát; Kiểm soát viên;
- Giao dịch với người có liên quan;
- Báo cáo và công bố thông tin.

nhằm tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản khác về quản trị công ty, bảo vệ lợi ích của công ty, quyền lợi chính đáng của cổ đông trong quá trình hoạt động của công ty.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ.

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ

đồng và những người liên quan đến Công ty.

b) “Công ty”: là Công ty Cổ phần Đề Tam.

c) “Điều lệ”: là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

d) “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

e) “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “ĐHĐCD”: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

f) “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

g) “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT”: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

h) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

i) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc ở vị trí cán bộ quản lý cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là cán bộ quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

j) “Ban kiểm soát” hoặc “BKS”: là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k) “Người quản lý”: là người quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

1) “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, con nuôi, con dâu, con rể, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, Công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty.

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả.
- Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông.
- Đối xử công bằng giữa các Cổ đông.
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Minh bạch trong Công ty.
- HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 4. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có quyền quyết định và thông qua đối với những vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- b) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng kế hoạch phát triển của Công ty;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- i) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) và chỉ định người thanh lý;
- n) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;
- o) Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- q) Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- s) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 5. Các thể thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông thực hiện quyền quyết định đối với các nội dung thông qua 02 thể thức:

- a) Biểu quyết hoặc bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Biểu quyết bằng văn bản thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 6. Hợp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty và đảm bảo các nội dung sau:

a) Tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty; công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c) Công ty tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản;

d) Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập và Luật sư dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương

ứng;

i) Họ, tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 7. Xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo điều Điều 22 Điều lệ Công ty (quy định về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông), cụ thể:

a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số Doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đối với hoạt động của đại hội đồng Cổ đông.

1. Tham gia Đại hội thường niên và bất thường.

a) Các Cổ đông và người nhận ủy quyền của Cổ đông tham dự Đại hội phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông để tham gia Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường trước khi vào phòng họp. Quá trình thực hiện đăng ký, Cổ đông và người nhận ủy quyền của Cổ đông tham dự đại hội phải xuất trình bản chính các giấy tờ tài liệu hợp lệ gồm: Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu hoặc Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, Thư mời và Giấy ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty (trong trường hợp được ủy quyền).

b) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.

c) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng Cổ đông sau khi khai mạc Đại hội có quyền đăng ký Cổ đông tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết tại Đại hội đối với các nội dung chưa thực hiện biểu quyết, kết quả của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó được giữ nguyên và tính trên số lượng cổ phần của Cổ đông có mặt tại thời điểm biểu quyết.

d) Trường hợp Cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức và/hoặc không nộp lại phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu thì Cổ đông đó coi như không biểu quyết tại Đại hội và số phiếu này không được tính phiếu biểu quyết.

2. Tham gia lấy ý kiến bằng văn bản.

Cổ đông tham gia lấy ý kiến bằng văn bản xác nhận việc đã nhận được tài liệu thông qua việc xác nhận nhận bưu phẩm của Công ty;

Cổ đông tham gia lấy ý kiến gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo hình thức Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân,

người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, qua fax hoặc thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 9. Phương thức bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Hợp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường

a) Mỗi Cổ đông, đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được phát “Phiếu biểu quyết” có ghi mã số của Cổ đông/đại diện Cổ đông và số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung cần được thông qua tại Đại hội.

b) Phiếu biểu quyết có in sẵn danh mục các nội dung được biểu quyết tại Đại hội và các phương án biểu quyết để Cổ đông lựa chọn gồm: “Tán thành”; “Không tán thành” và “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề được biểu quyết. Phiếu biểu quyết được đóng dấu tròn của Công ty ở phía trên, đóng dấu giáp lai giữa các tờ trong trường hợp phiếu biểu quyết có từ 02 tờ trở lên. Cổ đông sẽ đánh dấu (X) một lần cho một nội dung biểu quyết.

c) Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

d) Việc kiểm phiếu thông qua Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu. Thành viên Ban kiểm phiếu nhất thiết không phải là ứng cử viên hoặc thành viên được đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty.

e) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện Cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.

f) Trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên gửi cho Công ty trước khi tổ chức đại hội, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức không có liên quan với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các nội dung Đại hội đồng Cổ đông đang thảo luận.

g) Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập Biên bản, ghi rõ số phiếu thu về trên tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về được coi là số phiếu bầu dùng để tính tỷ lệ đồng ý hoặc không đồng ý của cổ đông đối với nội dung

cần biểu quyết và niêm phong số phiếu không dùng đến, công bố nội dung này. Đại hội đồng cổ đông trước khi kiểm phiếu. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, ghi rõ kết quả kiểm phiếu; Biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên trong Ban kiểm phiếu.

h) Kết quả biểu quyết được đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho Cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty hoặc phương thức khác (đối với các vấn đề có liên quan đến bí mật hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) do Đại hội đồng Cổ đông có quyết định.

i) Mức thông qua đối với kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu cụ thể như sau:

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trở lên chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - + Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Sửa đổi Điều lệ công ty;
 - + Quyết định đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - + Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) đối với các vấn đề còn lại thuộc thẩm quyền quyết định và thông qua của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

j) Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết để tính tỷ lệ biểu quyết hoặc bỏ phiếu thông qua trong đại hội được tính như sau:

- Việc kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu thực hiện bằng cách trực tiếp đếm số cổ phần trên Phiếu biểu quyết (nếu có nội dung nào cần lấy ý kiến tại chỗ bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết) và kiểm Phiếu biểu quyết (đối với các nội dung nằm trong chương trình Đại hội). Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra ý kiến tán thành trước, sau đó kiểm tra ý kiến không tán thành và sau cùng kiểm tra các cổ đông không ý kiến và báo cáo Đại hội.
- Các Phiếu biểu quyết đã phát ra nhưng không được nộp lại thì được coi là các Phiếu biểu quyết không hợp lệ và bị trừ ra khỏi tổng số phiếu khi tính kết quả biểu quyết cho các nội dung biểu quyết liên quan.
- Phiếu biểu quyết hợp lệ khi hội đủ các điều kiện sau đây:
 - + Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu in sẵn có đóng dấu treo của Công ty.
 - + Ứng với từng nội dung biểu quyết không bị tẩy xóa, sửa chữa, có thể xác định được ý kiến biểu quyết: Hoặc Tán thành; Hoặc Không tán thành; Hoặc Không có ý kiến (Phiếu trắng cũng được xem là phiếu không hợp lệ) đối với từng nội dung đó.
- Phiếu không hợp lệ là phiếu không hội đủ các điều kiện của Phiếu hợp lệ.

k) Mọi Cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến nội dung biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Việc bỏ phiếu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này thông qua hình thức gửi thư;

b) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty;

c) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;
- Mục đích và Các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

d) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

e) Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán;

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;

b) Từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c) Từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;

d) Từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

e) Từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;

f) Từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;

g) Từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng

cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng, phải theo các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc ngày gửi tài liệu xin ý kiến đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ;
- c) Quá trình công tác
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT.

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Mỗi Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội hoặc tham gia việc kiến bằng văn bản sẽ được phát một “Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị” có ghi mã của Cổ đông/đại diện Cổ đông và số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện. Phiếu bầu cử dùng để biểu quyết bầu Hội đồng quản trị. Phiếu bầu cử có in sẵn danh sách các ứng cử viên và được đóng dấu Công ty ở phía trên.

a) Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các yếu tố sau:

- Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu bầu tối đa hoặc bầu từ một đến tối đa số thành viên Hội đồng quản trị, trong danh sách đề cử và/hoặc ứng cử đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu không tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và huỷ phiếu cũ).

b) Phiếu bầu cử không hợp lệ khi có một trong các yếu tố sau:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu quá số thành viên Hội đồng quản trị quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu có tên những người ngoài danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

c) Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu.

3. Phương thức bầu cử:

a) Mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Khi được phát Phiếu bầu cử, Cổ đông/đại diện Cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu không bằng với tổng số cổ phần của Cổ đông/đại diện cổ đông đó sở hữu/đại diện, cổ đông/đại diện cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu.

c) Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên mình chọn sao cho tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả ứng cử viên mà Cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn với tổng số phiếu bầu của Cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của Cổ đông/đại diện Cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Trong trường hợp viết sai, Cổ đông/đại diện Cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

4. Ban kiểm phiếu: gồm không quá 03 (ba) người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào Hội đồng quản trị. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

5. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- a) Hướng dẫn Cổ đông quy định, quy trình về bầu thay thế, bổ sung thành viên HĐQT;
- b) Phát phiếu bầu cho Cổ đông/đại diện Cổ đông;
- c) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của Cổ đông/đại diện Cổ đông;
- d) Tổ chức kiểm phiếu;
- e) Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội đồng Cổ đông;
- f) Cùng Chủ tọa giải quyết các khiếu nại về bầu thành viên HĐQT (nếu có).

6. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó niêm phong các phiếu bầu cử và bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu cử (đã được niêm phong) cho Đoàn thư ký.

7. Ban kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm tra phiếu bầu thành viên HĐQT nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

8. Điều kiện trúng cử:

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì thành viên sở hữu số cổ phần cao hơn được chọn. Trường hợp (02) hai thành viên này sở hữu số cổ phần ngang nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên đó. Trường hợp kết quả bầu lại của các ứng viên này vẫn bằng nhau thì ý kiến của chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là ý kiến quyết định.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, tạm thời không bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Trừ khi được quy định khác đi trong Điều lệ Công ty, không được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Tham gia bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh thuộc thẩm quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm của HĐQT.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành khác, kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các Công ty thành viên trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

7. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT hỏi ý kiến bằng văn bản), trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích, đề quyết định các vấn đề trong nội dung cuộc họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.

8. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

10. Có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

11. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

12. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của

pháp luật.

13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

14. Ngoài các quyền và nghĩa vụ bên trên, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty mẹ, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

15. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó có người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

16. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, lệ và quy định nội bộ của Công ty;

d) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty;

f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua;

g) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và các tài liệu liên quan được thông báo trước tối thiểu là 03 ngày so với ngày họp dự kiến cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

2. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không thể họp tập trung vì nguyên nhân khách quan, có thể tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung cần Hội đồng quản trị quyết định. Việc tổ chức xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện tương tự như tổ chức họp định kỳ. Chủ tịch hội đồng quản trị là người tiếp nhận ý kiến bằng văn bản của các thành viên hội đồng quản trị, lập biên bản ghi nhận ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó ra nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 17. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư ($\frac{3}{4}$) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 18. Cách thức biểu quyết.

1. Trừ quy định tại khoản 2 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với nội dung về các hợp đồng hoặc giao dịch mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một Hợp đồng được quy định tại điểm a và b khoản 4 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) đến hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

b) Được Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

5. Chủ tọa cuộc họp là người quyết định đối với nội dung cần quyết định trong trường hợp thành viên hội đồng quản trị thuộc quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này không từ bỏ quyền biểu quyết của mình trong cuộc họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp số phiếu biểu quyết tương đương giữa ý kiến đồng ý và không đồng ý hoặc phát sinh mâu thuẫn trong việc quyết định đối với nội dung có liên quan đến giao dịch bán giá trị tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và/hoặc Quy chế này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể cân nhắc việc xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản để biểu quyết thông qua vấn đề.

Điều 19. Cách thức thông qua Nghị quyết.

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc có ý kiến bằng văn bản tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 20. Ghi biên bản họp HĐQT.

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa cuộc họp, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp, trừ trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự tại cuộc họp ký và thông qua nội dung của Biên bản.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Thông báo Nghị quyết của HĐQT.

Thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng quản trị theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị và sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm tại Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập gần nhất tiếp theo trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thông báo cho người được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng cách trao trực tiếp quyết định cho người đó hoặc gửi thư đảm bảo đến địa chỉ của người đó đã được đăng ký với Công ty.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thông báo cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty theo hình thức gửi quyết định thông báo.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được công bố thông tin cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của Pháp luật hiện hành.

4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Thành phần và Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

3. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 04 người.

4. Trường hợp có thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên Ban kiểm soát thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ công ty và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Ban kiểm soát, không bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát; Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí kiểm soát viên:

a) Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
- từ 20% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- từ 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo quy định.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát và thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: tương tự như đối với thành viên HĐQT.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

CHƯƠNG V

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 27. Các tiêu chuẩn về người điều hành doanh nghiệp.

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 28. Tổng giám đốc.

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào quy định của Điều lệ Công ty, quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 29. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác.



1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

2. Công ty ký hợp đồng lao động với Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật lao động.

3. Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

4. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, TGD

Điều 30. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự, triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Quy chế này.

Điều 31. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

a) Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

c) Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

d) Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

2. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và HĐQT

a) Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

b) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

c) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

d) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động là cán bộ quản lý;

e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Điều 33. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc, hoặc đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp bất thường, chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp trong trường hợp này như đối với cuộc họp định kỳ.

Điều 34. Báo cáo của Tổng giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

b) Kế hoạch thực hiện kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Báo cáo các nội dung TGD được quyết định theo thẩm quyền của TGD tại Điều lệ công ty.

Điều 35. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các

thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp, hợp tác trong quá trình làm việc để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

Tất cả thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải thực hiện theo các quyết định đã được người có thẩm quyền phê duyệt một cách hợp pháp.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận và thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều

hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính.

Điều 37. Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và người có liên quan của Cổ đông đó.

2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận đối với giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị lớn hơn 20% trở lên tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều này có giá trị từ 15% đến 20% tổng giá trị tài sản Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự vận can và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn can vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do

Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TGD

Điều 39. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên HĐQT.

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT căn cứ theo thái độ và trách nhiệm, hiệu quả thực hiện các công việc được phân công và theo ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát.

Kết quả đánh giá đối với thành viên HĐQT phải báo cáo Đại hội Cổ đông trong cuộc họp gần nhất.

Điều 40. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên BKS.

Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS căn cứ theo thái độ và trách nhiệm, hiệu quả thực hiện các công việc được phân công.

Kết quả đánh giá đối với thành viên BKS phải báo cáo Đại hội cổ đông trong cuộc họp gần nhất

Điều 41. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.

Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các CBQL khác được sử dụng làm căn cứ để Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét mức khen thưởng, mức thù lao hàng năm cho HĐQT, BKS và

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau:

a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế này bao gồm 46 điều đã được ĐHĐCĐ họp và biểu quyết nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị có thể trình ĐHĐCĐ họp xem xét, quyết định.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Điều 46. Hiệu lực.

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc mới có giá trị.

3. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Đức Lợi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----oOo----

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

(Được ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ
ngày 27/4/2022)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Đệ Tam.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đệ Tam, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Nguyên tắc quản trị

Công ty định hướng và quản lý thông qua các nguyên tắc như sau:

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Công ty và quy định mới của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho:

- a) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc;
- b) Tất cả các Phòng/Ban/ Bộ phận, Cán bộ của Công ty; Công ty con thuộc Công ty;

c) Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của HĐQT, có nhiệm vụ phân công các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ thuộc các chức năng của HĐQT, triệu tập và chủ trì các phiên họp HĐQT.

3. HĐQT họp để bàn và quyết định mọi vấn đề theo cơ chế đa số quá bán các thành viên dự họp. Các thành viên HĐQT phải chấp hành mọi quyết định chung, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến bằng cách yêu cầu Thư ký ghi ý kiến của mình vào Biên bản họp.

4. Thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và tham gia biểu quyết...

5. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT & các thành viên HĐQT, Hội đồng quản trị có tối thiểu là (03) ba thành viên và tối đa là (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản

trị, không bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc ở vị trí cán bộ quản lý cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là cán bộ quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Trong trường hợp này nếu thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ nhiệm do không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tại cuộc họp này Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện và tổ chức bầu thay thế.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và được chấp nhận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường

hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.

Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách khi không đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

b) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc ở vị trí cán bộ quản lý cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là cán bộ quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

c) Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi các thành viên HĐQT còn lại. Đồng thời nếu thành viên Hội đồng quản trị mất tư cách thành viên, nhưng không làm tổng số thành viên hội đồng quản trị thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của

Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tại cuộc họp này Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên và tổ chức bầu thay thế.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp của HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của HĐQT;

d) Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó;

e) Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tập đoàn, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

f) Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

h) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, các quyết định của HĐQT;

i) Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

j) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Trừ khi được quy định khác đi trong Điều lệ Công ty, không được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Tham gia bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh thuộc thẩm quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm của HĐQT.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính, có ý kiến hoặc yêu cầu Ban điều hành, Người điều hành khác, kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các Công ty thành viên trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

7. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt

tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT hỏi ý kiến bằng văn bản), trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích, để quyết định các vấn đề trong nội dung cuộc họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.

8. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

9. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

10. Có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

11. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

12. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

14. Ngoài các quyền và nghĩa vụ bên trên, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty mẹ, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

15. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó có người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 9: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký HĐQT

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng thư ký để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ, HĐQT, thư mời họp và tham gia Thư ký đoàn trong các phiên họp của ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp.

2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.

3. Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT trong việc theo dõi, đôn đốc các Thành viên HĐQT và các bộ phận có liên quan trong Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương III

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công

ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau nhưng không hạn chế, thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD và người điều hành: các Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT quyết định theo từng thời kỳ; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;

d) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

e) Quyết định đầu tư có giá trị từ 30% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty (nếu có);

a) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

b) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

c) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

d) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;

e) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

f) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

g) Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

h) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

i) Quyết định các việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi và các vấn đề khác liên quan đến quá trình triển khai, tiến độ, điều chỉnh pháp lý, hoàn tất thủ tục pháp lý các dự án phù hợp với thị trường và quy định của pháp luật. Trường hợp việc điều chỉnh này dẫn đến tăng tổng mức đầu tư so với mức cũ đã được phê duyệt, tỷ lệ phần tăng thêm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thì HĐQT phải báo cáo trước cổ đông trình cổ đông phê duyệt tại Đại hội gần nhất;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 và khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

b) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

c) Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở những công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó nếu trong trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty chưa quy định;

d) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

e) Thành lập các Công ty con của Công ty;

f) Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 30% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

g) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá hạn mức do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h) Việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến

việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

k) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường, có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác, do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của HĐQT;



d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch HĐQT bổ sung vào chương trình họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng và cần thiết. Kiến nghị này phải được gửi tới cho Thư ký HĐQT ít nhất là 02 (hai) ngày trước ngày họp. Trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào của chương trình họp, chương trình họp bổ sung sẽ được gửi cho tất cả các thành viên dự họp không trễ hơn 01 (một) ngày trước ngày họp chính thức.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Thành viên tham dự họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên của HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các thành viên khác không phải là thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp của HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trong trường hợp cả 2 lần triệu tập họp đều không đủ điều kiện tiến hành họp theo quy định tại Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai,

HĐQT sẽ triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xem xét tư cách các thành viên HĐQT không tham dự các cuộc họp HĐQT.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều này với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Trường hợp biểu quyết một quyết định liên quan đến một hợp đồng kinh tế hay một giao ước dân sự dài hạn của Công ty mà phía đối tác là thành viên HĐQT hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến quyền lợi riêng tư của thành viên HĐQT thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết, đồng thời cũng không được tính thành viên này vào số lượng đại biểu cần thiết có mặt để tiến hành một cuộc họp HĐQT.

Điều 12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h và i khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13: Trình tự tổ chức và tiến hành họp của Hội đồng quản trị.

1. Bộ phận Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm chuẩn bị trước cuộc họp HĐQT.

a) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, danh sách thành viên tham dự họp HĐQT (thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc & các cá nhân khác liên quan) trình Chủ tịch HĐQT thông qua. Nội dung cuộc họp ít nhất phải có các nội dung được quy định trong Quy chế này;

b) Gửi nội dung tài liệu cho các thành viên tham dự họp HĐQT trước ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp;

c) Tổng hợp các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc về nội dung cuộc họp mà người đề xuất thấy là cần thiết và quan trọng;

d) Gửi lại nội dung tài liệu cho tất cả các thành viên tham dự họp HĐQT sau khi đã điều chỉnh nội dung và được Chủ tịch HĐQT thông qua.

2. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan tại Điều lệ Công ty.

3. Mọi cuộc họp HĐQT phải được Bộ phận Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp HĐQT, phản ánh trung thực và khách quan diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp.

4. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, chủ tọa và thư ký ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14: Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được quá bán số lượng thành viên tham dự và thống nhất mới được thông qua và có hiệu lực thực hiện, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp số phiếu biểu quyết tương đương giữa ý kiến đồng ý và không đồng ý hoặc phát sinh mâu thuẫn trong việc quyết định đối với nội dung có liên quan đến giao dịch bán giá trị tài sản, thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và/hoặc Quy chế này thì Chủ tịch HĐQT có thể cân nhắc việc xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để biểu quyết thông qua vấn đề.

2. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến tiền vốn, nhân sự, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên trong HĐQT – Ban Kiểm soát – Tổng Giám đốc, thì người chủ trì phiên họp có quyền quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín.

3. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường có giá trị hiệu lực như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tại cuộc họp định kỳ. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường phải được thông báo lại cho các thành viên HĐQT còn lại biết tại cuộc họp định kỳ gần nhất của HĐQT.

4. Quyết định của HĐQT có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không cần phải triệu tập cuộc họp HĐQT:

a) Chủ tịch HĐQT sẽ chuẩn bị và gửi dự thảo quyết định gửi cho tất cả các thành viên của HĐQT để lấy ý kiến. Dự thảo này có thể được gửi bằng thư bảo đảm, điện tín, hoặc bằng cách trao tận tay thành viên của HĐQT với một giấy báo đã nhận được;

b) Trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau ngày nhận được dự thảo quyết định, các thành viên của HĐQT phải gửi lại ý kiến bằng văn bản cho Chủ tịch HĐQT trong đó thể hiện rõ ràng “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” đối với mỗi quyết định;

c) Trong trường hợp một thành viên của HĐQT không trả lời hoặc trả lời “Không có ý kiến”, thành viên đó sẽ được xem như là chấp thuận quyết định đó. Chủ tịch HĐQT sẽ chịu trách nhiệm kiểm phiếu và chuẩn bị báo cáo dựa theo kết quả đó. Kết quả và các quyết định được thông qua sẽ được gửi đến các thành viên của HĐQT để ký trong vòng bảy (7) ngày sau ngày kết thúc thời hạn mà thành viên HĐQT phải gửi ý kiến về Công ty;

d) Những quyết định này chỉ có hiệu lực khi được số phiếu đại diện bởi ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT chấp thuận;

e) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT;

f) Dự thảo Quyết định đã được thành viên HĐQT trả lời (có ý kiến và chữ ký của thành viên HĐQT), biên bản tổng hợp ý kiến, toàn văn Quyết định đã được thông qua và các tài liệu liên quan gửi kèm theo dự thảo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật;

Điều 15: Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan của họ;

a) Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) đến hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp

đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV

ỦY BAN/TIỂU BAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16: Các Ủy ban/Tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị

1. HĐQT thành lập các Ủy ban/tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ HĐQT trong công tác hoạt động, tư vấn chuyên môn theo các nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

2. Thành viên của Ủy ban/tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các Ủy ban/tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Ủy ban/tiểu ban nhưng:

a) Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Ủy ban/tiểu ban;

b) Nghị quyết của các Ủy ban/Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên HĐQT;

3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban/tiểu ban của HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Ủy ban/tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

4. Việc thành lập các Ủy ban/tiểu ban phải được sự chấp thuận của HĐQT. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban/tiểu ban, trách nhiệm của từng Ủy ban/tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên Ủy ban/tiểu ban.

5. Người đứng đầu các Ủy ban/tiểu ban phải được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Ủy ban/tiểu ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.

6. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/tiểu ban được thực hiện như sau:

a) HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban/tiểu ban, trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban/tiểu ban;

b) Một Ủy ban/tiểu ban phải có tối thiểu hai (02) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban/tiểu ban. HĐQT khi thành lập các Ủy ban/tiểu ban phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban/tiểu ban này;

c) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban/tiểu ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban/tiểu ban do HĐQT ban hành.

7. Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban/tiểu ban của HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 17: Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18: Nguyên tắc phối hợp trong công tác.

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.
3. Tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan

đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. HĐQT quyết định cơ cấu Ban điều hành, phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc ký văn bản phân công trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

3. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn Công ty. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

4. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc khối, Giám đốc Trung tâm, Trưởng Ban/ Giám đốc Phòng có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

7. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.

9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 21. Mối quan hệ với cổ đông, ĐHĐCĐ

1. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ngoài các nội dung quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, phải bảo đảm có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

c) Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;

d) Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc;

e) Các kế hoạch trong tương lai.

2. HĐQT và các thành viên HĐQT cần có mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông, cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết cho cổ đông, các báo cáo tài chính định kỳ...

3. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết các khiếu nại của cổ đông (nếu có), giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và các cổ đông.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VI

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 24. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban/tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công

trộn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của thành viên HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 26. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại Quy chế này và các giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đệ Tam bao gồm 27 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

2. HĐQT Công ty có trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc tuân thủ Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



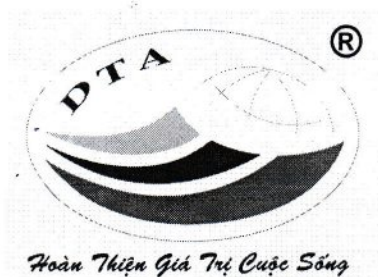
Trần Đức Lợi



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----oOo----

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

(Được ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ
ngày 27/4/2022)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đệ Tam hiện hành.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đệ Tam, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa 04 (bốn) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp có thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm nhưng không làm tổng số thành viên Ban kiểm soát thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu và vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty thì sẽ tiếp tục duy trì hoạt động bình thường của Ban kiểm soát, không bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát mới cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

d) Không phải là người điều hành Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một

số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà

các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đệ Tam bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Nghĩa



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **DTA.0000...**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **1.000** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 2.000 cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021



364045

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: DTA.0000....

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **1.000** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **2.000** cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	☐	☐	☐
Nội dung 02: Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT năm 2021	☐	☐	☐
Nội dung 03: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc năm 2021	☐	☐	☐
Nội dung 04: Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	☐	☐	☐
Nội dung 05: Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022	☐	☐	☐
Nội dung 06: Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	☐	☐	☐
Nội dung 07: Tờ trình thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022	☐	☐	☐
Nội dung 08: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	☐	☐	☐
Nội dung 09: Tờ trình thông qua vay vốn để tiếp tục thực hiện dự án thi công hạ tầng, chung cư, nhà phố tại dự án Khu dân cư xã Phước An	☐	☐	☐
Nội dung 10: Tờ trình thông qua chỉnh sửa Điều lệ Công ty	☐	☐	☐
Nội dung 11: Tờ trình thông qua chỉnh sửa Quy chế nội bộ quản trị Công ty	☐	☐	☐
Nội dung 12: Tờ trình thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
Nội dung 13: Tờ trình thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	☐	☐	☐
Nội dung 14: Tờ trình thông qua việc ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán	☐	☐	☐

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 27 tháng 04 năm 2022

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 01/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm tài khóa 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 02/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT năm 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 03/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc năm 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÊ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 04/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đê Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 05/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 06/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 07/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 08/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 09/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua tờ trình vay vốn để tiếp tục thực hiện dự án thi công hạ tầng, chung cư, nhà phố tại dự án Khu dân cư xã Phước An.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 10/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình chỉnh sửa Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 11/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình chỉnh sửa Quy chế nội bộ quản trị Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 12/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 13/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
2/6-2/8 Núi Thành, P13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số: 14/4/2022 /NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI KHÓA 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đệ Tam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2021 ngày 27/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Nội dung Nghị quyết.

Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% CP CQBQ dự họp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

